

Số: 35 /2021/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ

Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Quyết định số 118-TTg ngày 26 tháng 3 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc mua tin kinh tế chuyên ngành của các hãng tin nước ngoài.
2. Quyết định số 595/TTg ngày 15 tháng 12 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công an nhân dân khi xuất ngũ.
3. Quyết định số 113/2004/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 595/TTg ngày 15 tháng 12 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công an nhân dân khi xuất ngũ.
4. Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.



5. Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý chất thải nguy hại.

6. Quyết định số 219/1999/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến và bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

7. Quyết định số 102/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Cục Dự trữ Quốc gia về trực thuộc Bộ Tài chính.

8. Quyết định số 105/2000/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn nộp nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà, đất.

9. Quyết định số 990/2002/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

10. Quyết định số 195/2003/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ các hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế.

11. Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

12. Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

13. Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

14. Quyết định số 223/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số điều của Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

15. Quyết định số 255/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia y tế dự phòng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

16. Quyết định số 291/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020 tại Việt Nam.



17. Quyết định số 105/2007/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Định hướng Chính sách tài chính nhà ở quốc gia đến năm 2020.

18. Quyết định số 116/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

19. Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020.

20. Quyết định số 20/2008/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008 - 2012.

21. Quyết định số 68/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ trái phiếu Chính phủ hỗ trợ các địa phương thực hiện Đề án Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên năm 2008.

22. Quyết định số 96/2009/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số điều của Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

23. Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020.

24. Quyết định số 04/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền quyết định danh mục và biện pháp xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

25. Quyết định số 36/2018/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục ký kết, thực hiện thỏa thuận nhân danh Chính phủ và kiến nghị Chủ tịch nước quyết định ký kết thỏa thuận nhân danh Nhà nước không phải là Điều ước quốc tế.

26. Chỉ thị số 297-CT ngày 26 tháng 11 năm 1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài.

27. Chỉ thị số 21/2007/CT-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ cho vay ưu đãi để học đại học, cao đẳng và dạy nghề.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2021.



2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí Thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2). 110



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Bình Minh